

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày 16-02-2022

V/v tranh chấp: *Kiến đòi lại Quyền sử
dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quốc Hội - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 – 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 06 năm 2020 về tranh chấp: *Kiến đòi quyền sử dụng (QSD) đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐ-ST ngày 11/01/2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Thái Bình M, sinh năm 1957 và bà Huỳnh Thanh Th, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông M: Ông Hà Minh V, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (đại diện theo ủy quyền).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bị đơn - ông Trần Ngọc Ch:

- Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1956 (vợ ông Ch); địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Chị Trần Ngọc D, sinh năm: 1987 (con ông Ch); Địa chỉ: ấp 4, xã H2, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Anh Trần Duy Kh1, sinh năm: 1986 (con ông Ch); Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Anh Trần Bảo C, sinh năm: 1984 (con ông Ch); Địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Anh Trần Bảo Q, sinh năm: 1982 (con ông Ch); Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (tạm trú đường N, phường T, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh).

- Bà Hồ Thị Bích L, sinh năm 1968 (vợ ông Kh); địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (tạm trú đường N, phường T, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh).

- Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1956 (vợ ông Ch); địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà E: Ông Trần Hoàn H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

Ông V, bà Th và ông H có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Thái Bình M và bà Huỳnh Thanh Th trình bày:

Năm 1994 vợ chồng ông M và bà Th được Ban nhân dân ấp 1, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn (Ngọc Hiển cũ), tỉnh Cà Mau (Minh Hải cũ) cấp cho một nền nhà (cấp theo chỉ đạo chung của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Hàng Vịnh) diện tích ngang 4,5m dài 20m, tổng diện tích là 90m²; phần đất tọa lạc tại ấp 1, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Vị trí: Phía Đông giáp bà Trần Thị T, phía Tây giáp bà T1, phía Nam giáp Sông Cửa Lớn, phía Bắc giáp lộ liên huyện (Năm Căn – Hàng Vịnh – Hiệp Tùng), việc cấp đất không có văn bản, nhưng những người cấp đất hiện còn ở địa phương làm nhân chứng. Thời điểm cấp đất vợ chồng ông bà sinh sống ở ấp Xóm Lớn Ngoài, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn. Sau khi được cấp đất do hoàn cảnh khó khăn nên không xây dựng nhà ở nhưng vẫn giữ gìn phần đất.

Mấy năm sau phát hiện ông Ch đã lấy phần đất chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Kh, ông bà có gặp ông Ch hỏi thì ông Ch nói là được cấp, không có sử dụng nên sang cho ông Kh, hiện vợ chồng ông Kh quản lý phần đất.

Nay yêu cầu ông Ch trả lại phần đất mà ông Ch đã sang bán trái phép.

Bị đơn, ông Trần Ngọc Ch trình bày:

Năm 1994 ông được Nhà nước cấp cho 01 nền nhà ở ấp 1 (hiện đang có tranh chấp), vì ông thuộc diện có nhà ở mé sông đang bị sạt lở. Do chưa có điều kiện xây dựng nhà, năm 1999 ông chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, có bản cận chứng kiến. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì nền nhà chuyển nhượng cho ông Kh là nền nhà ông được cấp và vợ chồng ông Kh đã sử dụng từ năm 1999 đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Kh và bà Hồ Thị Bích L trình bày:

Năm 1999, vợ chồng ông Kh và bà L có nhận chuyển nhượng nền nhà của ông Trần Ngọc Ch, diện tích chiều rộng 4,5m dài 20m giá 03 chỉ vàng 24k (thực tế 21m chiều dài). Sau khi nhận sang đất thì ông bà xây dựng nhà ở bằng cây gỗ địa phương, ở được 03 năm nhà sập nên cất lại nhà khác, ở được 02 năm thì qua đất của mẹ vợ cặp bên ở. Thời điểm xây dựng nhà ở đất không có tranh chấp; năm 2004 ông bà thì cho thuê nhà, năm 2008 người thuê trả nhà lại, năm 2009 nhà sập để nền trống cho đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị E có ý kiến, lời trình bày của chồng bà là ông Trần Ngọc Ch tại Tòa án cũng là quan điểm của bà, không bổ sung thêm.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Nguyễn Thị E, chị Trần Ngọc D, anh Trần Duy Kh2, anh Trần Bảo C, anh Trần Bảo Q, Tòa án đã có văn bản gửi cho các đương sự; các đương sự có văn bản thể hiện đồng ý với toàn bộ ý kiến của ông Ch trước đây đã trình bày tại Tòa án, đồng thời từ chối tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- *Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, ông Hà Minh V trình bày:* Yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Trần Ngọc Ch với vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, buộc giao trả lại phần đất cho vợ chồng ông Thái Bình M.

- *Bà Huỳnh Thanh Th trình bày:* Nguồn gốc phần đất có tranh chấp ông bà được Trưởng Ban nhân ấp cấp vào năm 1994, lúc đó chỉ nói miệng không có văn bản, hiện nay Chủ tịch xã và Trưởng ấp cũ còn sống làm nhân chứng. Sau khi được cấp ông bà chưa có nhu cầu sử dụng nên không xây dựng nhà ở. Khoảng năm 1999 vợ chồng bà phát hiện ông Kh đem cây lá cất nhà nên có

ngăn, lúc đó có Trưởng ấp đến làm việc và thỏa thuận miệng là cho ông Kh ở hết xác nhà thì trả lại, sau đó nhà sập ông bà nghĩ là của mình nên không nói gì, năm 2017 ông bà mới khởi kiện, hiện tại phần đất ông bà chưa đăng ký kê khai.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và bà Nguyễn Thị E vắng mặt, không có ý kiến khác.

- *Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà E:* Vợ chồng ông M yêu cầu ông Ch chồng bà E trả lại phần đất là không có căn cứ, vì phần đất ông Ch được cấp theo diện di dời dân do sạt lở đất đối với người có nhà cặp sông Cửa Lớn, vợ chồng ông M thuộc ấp Xóm Lớn Ngoài nên không thuộc diện di dời.

Từ năm 1994 đến khi xảy ra tranh chấp vợ chồng ông M chưa tác động lên phần đất, chưa đăng ký kê khai; phần đất ông Kh nhận chuyển nhượng từ năm 1999 và cất nhà ở liên tục đến năm 2008 sau đó đăng ký kê khai tại cơ quan có thẩm quyền; khi ông Kh cất nhà trong thời gian dài mà vợ chồng ông M cũng không có ý kiến gì; Công văn số 123 của UBND xã Hàng Vĩnh có nêu rõ thời điểm năm 1994 xã không có chủ trương hay kết hợp với Ban nhân dân ấp để cấp đất cho người dân theo diện giao đất có thu tiền. Từ lý do trên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; chi phí tố tụng nguyên đơn chịu, đã nộp đủ. Án phí dân sự không giá ngạch nguyên đơn được miễn nộp do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Vợ chồng ông Thái Bình M khởi kiện ông Trần Ngọc Ch đòi lại quyền sử dụng đất, vì cho rằng phần đất của ông bà được cấp mà ông Ch lấy sang nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh. Việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của vợ chồng ông Kh và bà Nguyễn Thị E vợ ông Ch nên Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Ngọc Ch chết, Tòa án đưa hàng thừa kế thứ nhất của ông Ch tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Ngọc Ch là người có công nên được trợ giúp pháp lý, do ông Ch chết, người thực hiện trợ giúp pháp lý thông báo không tiếp tục tham gia tố tụng. Việc không tham gia tố tụng phù hợp với quy định của Luật Trợ giúp pháp lý nên được chấp nhận.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà Nguyễn Thị E, chị Trần Ngọc D, anh Trần Duy Kh1, anh Trần Bảo C, anh Trần Bảo Q được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Văn Kh, bà Hồ Thị Bích L có yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Vợ chồng ông Thái Bình M, bà Huỳnh Thanh Th khởi kiện ông Trần Ngọc Ch, cho rằng ông Ch lấy đất ông bà chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh, nên yêu cầu ông Ch giao trả đất lại phần đất đã sang bán trái phép. Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất, vì các bên có tranh chấp về quyền sử dụng, nhưng phần đất hiện do vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh quản lý sử dụng, nên quan hệ pháp luật tranh chấp là: KIỆN đòi lại quyền sử dụng đất.

[2] Xác định yêu cầu của nguyên đơn

Vợ chồng ông M cho rằng phần đất đang tranh chấp diện tích chiều rộng 4,5m dài 20m là của vợ chồng ông được nhà nước cấp năm 1994; ông Ch lấy phần đất chuyển nhượng cho ông Kh, yêu cầu ông Ch giao trả phần đất lại. Ông Ch cho rằng phần đất có tranh chấp là ông được cấp vào năm 1994, do kinh tế gặp khó khăn ông đã chuyển nhượng phần đất cho vợ chồng ông Kh, không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của vợ chồng ông M, nên xảy ra tranh chấp, vợ chồng ông M làm đơn khởi kiện có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông M.

[3] Xác định thửa đất tranh chấp:

Tại bảng trích đo hiện trạng ngày 03/11/2020 thể hiện phần đất có diện tích thực tế 121,8m² thuộc thửa số 94 tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp 1, xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Vị trí tứ cận: Mặt tiền lộ xi măng có chiều rộng 4,5m; hậu giáp đất ông Nguyễn Văn H có chiều rộng 4,5m; mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất ông Lê Minh Tr có chiều dài 26,85m; vách trái giáp phần đất bà Đoàn Hồng Th1 có chiều dài 27,50m; vợ chồng ông Kh quản lý phần đất, các đương sự xác định là thửa đất có tranh chấp.

[4] Xét nguồn gốc phần đất có tranh chấp

Vợ chồng ông M cho rằng, phần đất ông bà được cấp năm 1994, từ khi được cấp đất đến nay ông bà chưa tác động lên phần đất, chưa đăng ký kê khai với cơ quan địa chính, thời điểm cấp đất chỉ nói miệng không có giấy tờ, nhưng ông bà vẫn gìn giữ phần đất.

Theo trình bày của ông Ch, năm 1994 ông Ch được cấp 01 nền nhà, vì ông là đối tượng ở mé sông có nhà trên khu vực bị sạt lở cần di dời. Năm 1999 ông chuyển nhượng cho vợ chồng ông Kh, việc chuyển nhượng có giấy tay, có người làm chứng.

Vợ chồng ông Kh xác định phần đất tranh chấp là ông bà nhận chuyển nhượng của ông Ch năm 1999, sau khi chuyển nhượng thì cất nhà lá cây gỗ địa phương để ở, đã qua 02 xát nhà nhưng không có ai tranh chấp, năm 2009 nhà sập để nền trống, năm 2015 ông Kh đã đăng ký kê khai phần đất với cơ quan địa chính có thẩm.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

Vợ chồng ông M cho rằng phần đất ông Trần Ngọc Ch sang cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Kh hiện có tranh chấp là của vợ chồng ông được Ban nhân dân ấp 1 – xã Hàng Vĩnh cấp vào năm 1994, nay yêu cầu ông Ch giao trả lại cho ông bà phần đất này. Thấy rằng:

- Vợ chồng ông M không cung cấp giấy tờ chứng minh là ông bà được cấp phần đất trên vào năm 1994.

- Năm 1994, vợ chồng ông M không có sinh sống tại ấp 1 của xã và ông bà cũng không có nhà ở thuộc khu vực bị sạt lở cần di dời.

- Tòa án xác minh tại địa phương, những hộ sinh sống vào trước năm 1994 cũng khẳng định, việc giao đất ở là tạm thời di dời những người dân ở mé sông bị sạt lở, ông Ch là thuộc diện di dời, còn ông M là ở ấp Xóm Lớn Ngoài không thuộc đối tượng trên (bút lục số 210, 211, 212).

- Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông M và nguyên đơn bà Huỳnh Thanh Th cũng xác nhận, từ khi được cấp nền nhà đến nay vợ chồng ông M chưa tác động lên phần đất, nghĩa là chưa sử dụng phần đất. Giả sử ông M có được cấp đất để ở nhưng ông không sử dụng 12 tháng liền thì theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật đất đai năm 1993 Nhà nước sẽ thu hồi toàn bộ.

- Ông Huỳnh Văn L1 là trưởng Ban nhân dân ấp 1 vào thời điểm năm 1994 xác nhận có cấp đất cho ông Thái Bình M là chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai. Bởi vì, việc cấp đất trái quy định tại điểm d khoản 3 Điều 23 Luật đất đai năm 1993 về thẩm quyền giao đất. Mặt khác, Chủ tịch UBND xã thời điểm đó cũng xác nhận là không có chủ trương cấp đất cho dân vì UBND xã không có thẩm quyền. Việc ông xác nhận trong đơn của ông M là xác nhận ông Huỳnh Văn L1 là trưởng Ban nhân dân ấp thời điểm đó chứ không có xác nhận nội dung (bút lục số 210).

- Tại phiên tòa, ông V đại diện theo ủy quyền của ông M và bà Th đồng trình bày, năm 1999 ông Kh đến cất nhà thì vợ chồng ông M có ngăn, lúc đó có trưởng ấp chứng kiến, nhưng sau đó thỏa thuận miệng cho ông Kh cất nhà ở hết xác nhà trả lại đất, nhưng nguyên đơn cũng không chứng minh được có thỏa thuận này. Trên thực tế, ông Kh cất nhà ở đến năm 2002 nhà sập, tiếp tục cất lại nhà cũng trên phần đất này phía vợ chồng ông M cũng không phản đối, chứng tỏ ông bà biết được đất này là của vợ chồng ông Kh nhận sang nhượng mà có từ năm 1999 và cất nhà ở từ thời điểm đó đến năm 2008, nhưng vẫn không có ý kiến, đồng thời cũng không ngăn cản hay khởi kiện để đòi lại, không đăng ký kê khai QSD đất. Do đó, áp dụng án lệ số 33/2020/AL của Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Thái Bình M.

[6] Tại phiên tòa, ông V đại diện theo ủy quyền của ông M và bà Th yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Ch với ông Kh, thấy rằng: Đối với phần đất ông Kh nhận sang nhượng của ông Ch, mặc dù về thủ tục pháp lý chưa đảm bảo nhưng phía ông Kh đã sử dụng xây dựng nhà ở trước năm 2004 và đăng ký kê khai tại cơ quan có thẩm quyền, theo quy định của pháp luật về đất đai nếu không có tranh chấp thì được cấp QSD đất, điều này cũng phù hợp với ý kiến của UBND xã Hàng Vĩnh thể hiện tại công văn số 123/UBND ngày 28/10/2020, nên yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Ch và vợ chồng ông Kh là không được chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc là 3.508.000 đồng; chi phí thẩm định giá 2.200.000 đồng; tổng cộng là 5.708.000 đồng, yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu nộp toàn bộ, đã nộp đủ không phải nộp thêm.

[8] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng; do nguyên đơn là người cao tuổi có yêu cầu được miễn nên được chấp nhận miễn nộp toàn bộ án phí

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ được chấp nhận toàn bộ

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; án lệ số 33/2020AL của Tòa án nhân dân tối cao; khoản đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thái Bình M, bà Huỳnh Thanh Th về việc kiện đòi lại quyền sử dụng đất đối với ông Trần Ngọc Ch. Phần đất kiện đòi lại có diện tích 121,8m² thuộc thửa số 94 tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp 1, xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Vị trí: Mặt tiền lộ xi măng có chiều rộng 4,5m; hậu giáp đất ông Nguyễn Văn H có chiều rộng 4,5m; mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất ông Lê Minh Tr có chiều dài 26,85m; vách trái giáp phần đất bà Đoàn Hồng Th1 có chiều dài 27,50m hiện nay vợ chồng ông Kh quản lý.

- Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc và thẩm định giá 5.708.000 đồng, vợ chồng ông Thái Bình M phải chịu, ông bà đã nộp đủ không phải nộp tiếp.

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch cho ông Thái Bình M và bà Huỳnh Thanh Th.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính